

Bản án số: 169/2017/HS-PT

Ngày: 28/12/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Chấn

Ông Ngô Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Sang – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hữu Tài và ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 156/2017/HS-PT ngày 02 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Trần Thanh T1 và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo, người bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị:

1. Trần Thanh T1, sinh năm 1984; đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T1, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang; chỗ ở: Ấp MH, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 02/12; con ông Trần Văn B, sinh năm 1943 và bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1947; có vợ Trần Lê Kim N, sinh năm 1992; có 02 người con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị tạm giam từ ngày 30/9/2016 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Phước T2, sinh năm 1974; trú quán: Ấp T1, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 6/12; con ông Trần Văn B, sinh năm 1943 và bà: Huỳnh Thị S, sinh năm 1947; có vợ Phan Thị Tuyết M, sinh năm 1976; có 02 người con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị tạm giam ngày 30/9/2016 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Lê Tuấn K1, sinh năm 1982; đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp MH, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp MT, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 10/12; con ông Trần Nhật T, sinh năm 1955 và bà Lê Thị L, sinh năm 1953; có vợ Trần Thị Bích T, sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị tạm giam ngày 30/3/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Võ Minh T3, sinh năm 1989; trú quán: Ấp Luật quản lý thuế 2, xã LĐ A, huyện CM, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh nhà trọ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 8/12; con ông Võ Minh S, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970; có vợ Nguyễn Thị Phương P, sinh năm 1986; có 01 người con, sinh năm 2007.

Tiền sự: Ngày 25/6/2016, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Điền A, huyện Chợ Mới áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 26/9/2016. Ngày 27/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tiền án: Chưa.

Bị tạm giam ngày 31/3/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Trọng N, sinh năm 1994; trú quán: Ấp LT 2, xã LĐ A, huyện CM, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963 và bà Trịnh Kim P, sinh năm 1968.

Tiền sự: Ngày 25/6/2016, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Điền A, huyện Chợ Mới áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 26/9/2016. Ngày 27/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tiền án: Chưa.

Bị tạm giam ngày 31/3/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Phú Th, sinh năm 1993; trú quán: Ấp LT 2, xã LĐ A, huyện CM, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị Bích T, sinh năm 1962; có vợ Võ Thị Cẩm H, sinh năm 1993; có 02 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền sự: Ngày 25/6/2016, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Điền A, huyện Chợ Mới áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 26/9/2016. Ngày 27/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới áp dụng biện pháp xử lý hành

chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tiền án: Chưa.

Bị tạm giam ngày 31/3/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Lê Y K2, sinh năm 1985; trú quán: Ấp KH 1, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Nhân viên Bệnh viện; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Hồng S, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thoại X, sinh năm 1956; có vợ Lê Thị Việt T, sinh năm 1993; có 01 người con, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị tạm giam từ ngày 30/3/2017 đến ngày 02/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn.

Bị cáo được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Trần Thanh T1 và Trần Phước T2:* Bà Nguyễn Minh L - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang và bà Trần Thị Hồng V – Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Người bị hại có kháng cáo:*

Bà Trần Thị Mái E, sinh năm 1981; Cư trú: Ấp Phú Hạ 2, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang - Có mặt.

(Trong vụ án, bị cáo Cao Văn B có kháng cáo nhưng đã rút T1 bộ yêu cầu kháng cáo trước khi mở phiên tòa; bị cáo Nguyễn Tấn Th, bị cáo Võ Văn T4 và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 9/2016, Trần Thị Mái E đến quán cà phê Hoàng Cung thuộc ấp Thị 1, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới thấy Cao Văn B có đeo nhiều vàng, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, M E chủ động đến làm quen giới thiệu tên L và xin số điện thoại. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 14/9/2016, M E điện thoại hẹn B đi uống cà phê, B kêu M E đến quán của Nguyễn Thị Huỳnh H thuộc ấp MH, thị trấn ML, huyện CM. M E cho Nguyễn Văn T5 (chung sống như vợ chồng với M E) biết và kêu chờ M E đến quán gặp B, T5 đứng ngoài cảnh giới. Trong lúc uống nước, M E rủ B đến nhà trọ TM thuộc ấp MT, thị trấn ML, huyện CM, B đồng ý. Khi vào phòng trọ số 03 nhà trọ TM, M E kêu 01 chai nước suối, 01 lon nước Red Bull (bò cụng); lợi dụng lúc B đi tắm, M E lấy 05 viên thuốc ngủ đã cà nhuỷên bỏ vào lon nước đưa cho B uống. Khoảng 15 phút sau, B ngủ mê trên giường, M E lấy vàng, tiền và điện thoại của B. Xong, M E điện thoại kêu T5 điều khiển xe chở đến tiệm vàng VIN thuộc thị trấn AP, huyện AP bán được 115.000.000 đồng, M E lấy 76.000.000 đồng đến tiệm cầm đồ PH thuộc khóm 3, phường CP A, thành phố

CĐ chuộc lại chiếc xe Honda SH biển kiểm soát 67L1 - 661.83, đưa cho T5 5.000.000 đồng tiêu xài, số tiền còn lại M E và T5 mang sang Campuchia đánh bạc thua hết. Riêng B được đưa đến Bệnh viện Hạnh Phúc (thành phố Long Xuyên) điều trị đến ngày 17/9/2016 xuất viện. B kể lại sự việc cho nhiều người, trong đó có Trần Thanh T1, Trần Phước T2, Trần Lê Tuấn K2, Võ Minh T3, Nguyễn Tấn Th, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Phú Th, Lê Y K2 và Võ Văn T4 biết. B nhờ T1 tìm M E lấy lại tài sản bị cướp hứa sẽ hậu tạ, thì T1 đồng ý.

Khoảng 11 giờ ngày 21/9/2016, thông qua K1 và Phước T2, B biết M E ở khu vực nhà trọ 999 (thuộc ấp PH 2, xã KT, huyện Chợ Mới) nên kêu Phước T2 đi trước đến chỗ M E và dặn K1 theo dõi M E để chờ B đến. Khi này, B điện thoại cho T1 nói địa điểm gặp M E và nhờ T1 kêu thêm người tiếp bắt M E để lấy lại tài sản. T1 kêu Th, Văn T4, N, K2 đi trước để bắt M E, còn T1 đá xong độ gà sẽ đến sau. Th điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67L1 - 596.83 chở Văn T4, K2 điều khiển xe mô tô 67H5 - 5273 chở N. Khi đến khu vực gần ngã ba Bà Vệ thì gặp Phước T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64H1 - 2470, B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67L1 - 487.96, nên tất cả cùng đi. Trên đường đi, K2 và N ghé tiệm Nguyễn Thị O để đổ xăng, những người còn lại chạy trước đến khu vực nhà trọ 999, B thấy M E đang ngồi uống nước trong quán của Lê Thị Kim Kh (thuộc ấp PH 2, xã KT) nên nói “Đúng cô ta rồi, bắt nó”, M E nghe thấy nên bỏ chạy thì bị Văn T4 câu cổ, còn Phước T2 nắm chân của M E đưa lên xe cho Th và T4 chở, Phước T2 và B chạy xe theo sau. Được một đoạn thì gặp K2 và N chạy đến nên tất cả cùng đưa M E về quán “K 79” của T1 (thuộc ấp MH, thị trấn ML). Như hẹn, sau khi đá xong độ gà, T1 kêu T3 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67L3 - 0034 chở T1 đi tiếp bắt M E, T3 kêu thêm T3 chạy xe mô tô biển kiểm soát 67AL - 4477 theo sau, được một đoạn không theo kịp xe T3 nên T3 quay về quán “K 79”. Khi T3 chở T1 qua cầu chùa Tây An (thuộc xã LG) thì gặp Th và Văn T4 đang chở M E, nên T3 và T1 cùng về quán “K 79”.

Sau khi bắt được M E đưa về quán “Khang 79”, khoảng 15 phút sau T4 bỏ về trước. M E ngồi ở ghế đá trong quán, T1, B ngồi đối diện; K2, N, Phước T2, Thành, T3, T3 cũng ở khu vực này và khi này K1 cũng đến quán. Tại đây, T1 nhiều lần kêu M E phải trả lại tài sản đã lấy của B, nếu không sẽ giao M E cho Công an xử lý. M E vì sợ nên tháo vàng đang đeo trên người gồm 42 chiếc vòng đeo tay có khóa, trọng lượng 21 chỉ 2 phân 7 ly vàng 18 kara; 01 chiếc vòng dạng hình lưới, mặt vòng có 3 hình tròn có cán hột đá màu trắng, trọng lượng 5 chỉ 1 phân 4 ly và 18 kara; 01 chiếc nhẫn mặt vuông có hột đá màu trắng kiểu vuông, mặt trong chiếc nhẫn có chữ KQ 600, trọng lượng 1 chỉ 4 phân 5 ly vàng 18 kara; 01 chiếc nhẫn có hột đá màu trắng kiểu hình tam giác, mặt trong chiếc nhẫn có chữ KQ600, trọng lượng 1 chỉ 2 phân 8 ly vàng 18 kara; 01 chiếc nhẫn mặt cán hột đá màu trắng kiểu hình hạt dưa, mặt trong chiếc nhẫn có số 800, trọng lượng 1 chỉ 8 phân 2 ly vàng 18kara; 01 sợi dây chuyền bằng kiểu móc xích có gắn 02 mặt, một mặt hình tròn, một mặt hình chữ G có cán nhiều hột đá, trọng lượng 5 chỉ 9 phân 1 ly vàng 18 kara để vào thau nhựa trên bàn T1 đang ngồi. T1 kêu K2 chở Huỳnh Quang P

(làm nghề thợ bạc) đến thử là vàng thật, nên T1 kêu Trần Lê Kim N (vợ của T1) lấy 500.000 đồng đưa cho K2 để K2 trả công cho P và kêu Hoàng Vĩnh Th1 chở P đi về. Tiếp tục, T1 kêu T3 đem vàng của M E đi bán, T3 rủ thêm Th cùng đến tiệm vàng “KH” bán cho Bùi Thanh T được 69.780.000 đồng. Khi này, T1 dặn T giữ số vàng đó để vài ngày T1 sẽ chuộc lại. Th đem tiền về quán, B nhận tiền và tính tròn 70.000.000 đồng.

Ngoài ra, T1 còn buộc M E điện thoại kêu T5 chạy xe Honda SH biển kiểm soát 67L1 - 661.83 đến cầu Mương Lớn giao xe cho Nguyễn Thành T và Trần Minh Đ đến nhận đem về quán “K 79” của T1. B kêu K1 viết giấy nợ với nội dung M E nợ tiền B 280.000.000 đồng, đã trả 145.000.000 đồng (gồm trị giá vàng đã bán 70.000.000 đồng và trị giá xe SH 75.000.000 đồng), nợ lại 135.000.000 đồng trong vòng 02 tháng phải trả đủ. Còn T1 kêu K1 viết giấy M E bán xe SH cho B giá 75.000.000 đồng. K1 biết viết giấy nợ và giấy mua bán xe SH là hợp thức hóa cho hành vi chiếm đoạt tài sản của M E, nhưng vẫn đồng ý viết, xong đưa M E ký tên giấy nhận nợ và người bán xe, K1 ký tên người làm chứng, Phước T2 ký tên người mua xe. Sau đó, T1 cho M E về.

Ngày 22/9/2016, T1 đưa cho Th 70.000.000 đồng kêu đến tiệm vàng “KH” gặp T chuộc lại số vàng của M E đem về cho N đeo 42 chiếc vòng, số còn lại cất giữ trong tủ, đã bị thu giữ.

Ngày 23/9/2016, T1 điện thoại kêu M E trả 40.000.000 đồng, hứa sẽ nói với Bén trừ hết 135.000.000 đồng mà M E đã ký giấy nợ trước đó. Ngày 24/9/2016, M E mang 30.000.000 đồng đi cùng T5 đến quán “K 79” gặp và đưa cho T1, khi này cũng có mặt T3 và T3 đếm tiền do T1 kêu. T1 điện thoại cho B biết M E trả 30.000.000 đồng và kêu T3 đến nhà B gặp Trần Thị Đ (vợ của B) lấy giấy nợ đem về đưa cho T1 đốt bỏ. Sau đó, T1 đưa 30.000.000 đồng cho B. B cho K2, N, Th mỗi người 1.000.000 đồng.

B, T1, Phước T2, K2, T3, Th, N, T3, K1 và T4 bị khởi tố để điều tra.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 15 ngày 23/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chợ Mới, kết luận:

- 01 chiếc xe SH 150i màu trắng - đen biển kiểm soát 67L1 - 661.83 có số khung JF1434FY016035, số máy KF14E0116105 (đã qua sử dụng), giá trị 85.000.000 đồng.

- 42 chiếc vòng đeo tay bằng vàng 18 kara (loại vòng đeo tay có khóa) trong lượng 2 lượng 1 chỉ 2 phân 7 ly. Giá trị: 2 lượng 1 chỉ 2 phân 7 ly x 2.000.000 đồng/1 chỉ = 42.540.000 đồng.

- 01 chiếc vòng bằng vàng 18 kara dạng hình lưới, mặt vòng có 3 hình tròn có cần hột đá màu trắng (loại vòng đeo tay có khóa có hột xoàn) trọng lượng 5 chỉ 1 phân 4 ly. Giá trị: 5 chỉ 1 phân 4 ly x 2.000.000 đồng/1 chỉ = 10.280.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18 kara dạng mặt vuông có hột đá màu trắng, mặt trong chiếc nhẫn có chữ KQ 600 (loại nhẫn hột xoàn kiểu vuông) trọng lượng 1 chỉ 4 phân 5 ly. Giá trị: 1 chỉ 4 phân 5 ly x 2.000.000 đồng/1 chỉ = 2.900.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18 kara, mặt chiếc nhẫn có hột đá màu trắng, mặt trong chiếc nhẫn có chữ KQ 600 (loại nhẫn hột xoàn kiểu hình tam giác) trọng lượng 1 chỉ 2 phân 8 ly. Giá trị: 1 chỉ 2 phân 8 ly x 2.000.000 đồng/1 chỉ = 2.560.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18 kara dạng mặt cấn hột đá màu trắng, mặt trong chiếc nhẫn có số 800 (loại nhẫn kiểu hình hạt dưa) trọng lượng 1 chỉ 8 phân 2 ly. Giá trị: 1 chỉ 8 phân 2 ly x 2.000.000 đồng/1 chỉ = 3.640.000 đồng.

- 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18 kara kiểu móc xích có gắn 02 mặt, một mặt hình tròn, một mặt hình chữ G có cấn nhiều hột đá (loại dây chuyền kèm theo một mặt dây chuyền chữ G) trọng lượng 5 chỉ 9 phân 1 ly. Giá trị: 5 chỉ 9 phân 1 ly x 2.000.000 đồng/1 chỉ = 11.820.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 158.740.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định số: 133/KLGT-PC54 ngày 13/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận:

- Chữ viết trên “Giấy tờ mua bán xe” (trừ phần chữ viết: “Trần Phước T2” dưới mục: “người mua”; ký hiệu TLCGD: A1) so với chữ viết của Lê Y K2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu TLMSS: M1 - M3) do cùng một người viết ra.

- Chữ viết “Trần Phước T2” dưới mục: “người mua” trên “Giấy tờ mua bán xe” (ký hiệu TLCGD: A1) so với chữ viết của Lê Y K2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu TLMSS: M1 - M3) không phải do cùng một người viết ra. (Bút lục số: 1154).

Tại bản cáo trạng số 28/VKS-HS ngày 04 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố:

Các bị cáo: Cao Văn B, Trần Thanh T1, Trần Phước T2, Trần Lê Tuấn K2, Võ Minh T3, Nguyễn Tấn Th, Nguyễn Trọng N về các tội “Bắt người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 và điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Các bị cáo: Nguyễn Phú Th, Lê Y K2 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Bị cáo Võ Văn T4 (Heo) về tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2017/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh T1, Trần Phước T2, Trần Lê Tuấn K2, Võ Minh T3, Nguyễn Trọng N phạm tội “Bắt người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Trần Thanh T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là: 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2016.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Trần Phước T2 01 (một) năm tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; 02 (hai) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là: 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2016.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Trần Lê Tuấn K2 04 (bốn) tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là: 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Võ Minh T3 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Nguyễn Trọng N 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phú Th và bị cáo Lê Y K2 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Nguyễn Phú Th 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 31/3/2017.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 135; Điều 20; Điều 33; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Lê Y K2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giam 64 (sáu mươi bốn) ngày (từ 30/3/2017 đến 02/6/2017).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Cao Văn B 01 năm 06 tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật” và 03 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị cáo Nguyễn Tấn Th 01 năm tù về tội “Bắt người trái pháp luật” và 01 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị cáo Võ Văn T4 (Heo) 01 (một) năm tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/10/2017, các bị cáo Cao Văn B, Trần Thanh T1, Trần Phước T2, Võ Minh T3, Nguyễn Phú Th, Trần Lê Tuấn K1, Nguyễn Trọng N cùng có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05/10/2017, bị cáo Lê Y K2 có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được hưởng án treo.

Ngày 09/10/2017, người bị hại Trần Thị Mái E có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Thanh T1 (Tèo Bô).

Ngày 11/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang có Kháng nghị số 458/QĐ-KNPT.HS đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Trần Thanh T1, Trần Phước T2.

Ngày 09/12/2017, bị cáo Cao Văn B có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Thanh T1 trình bày: Bị cáo kháng cáo kêu oan, việc đơn kháng cáo nêu xin giảm nhẹ án phạt là do bị cáo không biết chữ nên nhờ người khác viết và bị cáo ký tên vào. Bị cáo khai không thừa nhận đã thực hiện các hành vi như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã tuyên.

Các bị cáo Trần Phước T2, Nguyễn Trọng N và Nguyễn Tấn Th không thừa nhận phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Các bị cáo còn lại đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu và xử phạt các bị cáo về các tội “Bắt người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, không bị oan. Tuy nhiên, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng là nặng so với hành vi phạm tội của các bị cáo nên vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Người bị hại Trần Thị Mái E trình bày: Tại quán “K 79”, nhiều người hù dọa tôi làm tôi rất sợ hãi, còn người nhà của ông B thì hăm dọa đánh nên tôi sợ mới giao tài sản. Khi bị gia đình ông B hăm đánh thì T1 là người can ngăn không cho gia đình bị cáo B đánh nên tôi cũng nghĩ tình. Do đó mức án mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo Trần Thanh T1 là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

Cấp sơ thẩm xét xử và tuyên phạt các bị cáo Cao Văn B, Trần Thanh T1, Trần Phước T2, Trần Lê Tuấn K2, Võ Minh T3, Nguyễn Tấn Th, Nguyễn Trọng N về tội “Bắt người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản”; bị cáo Nguyễn Phú Th và bị cáo Lê Y K2 về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị cáo Võ Văn T4 (Heo) về tội “Bắt người trái pháp luật” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Các bị cáo Trần Thanh T1, Trần Phước T2, Trần Lê Tuấn K2, Võ Minh T3, Nguyễn Tấn Th, Nguyễn Trọng N và người bị hại Trần Thị Mái E kháng cáo nhưng không nêu được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ xem xét.

Đối với Lê Y K2, gia đình bị cáo là gia đình chính sách, ông bà nội là người có công, vợ mới sinh con, vai trò giúp sức của bị cáo không đáng kể nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Thanh T1, Trần Phước T2: Mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới để tăng mức hình phạt đối với bị cáo Trần Thanh T1 từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và bị cáo Trần Phước T2 tăng thêm 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thanh T1:

Đối với tội “Bắt người trái pháp luật”: Việc bị cáo B và đồng bọn chở bị hại M E về quán của T1 đã không được sự đồng ý của bị cáo T1. B là người chủ mưu trong việc bắt M E. Các bị cáo T2, Th và N đều khai T1 không kêu các bị cáo đi bắt M E. Đồng thời các bị cáo đều đồng loạt trình bày lời khai tại cơ quan điều tra là do cán bộ điều tra hướng dẫn và ép buộc, đề nghị Hội đồng xét xử cần quan tâm. Điều này thể hiện không đủ căn cứ để kết tội “Bắt người trái pháp luật” đối với T1.

Về tội “Cưỡng đoạt tài sản”: Đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm các bị cáo không hề chiếm đoạt tài sản của M E mà chỉ lấy lại tài sản mà M E đã chiếm đoạt của người khác. Các bị cáo đều khai chỉ có B là người uy hiếp tinh thần đối với M E, T1 chỉ là người can ngăn sự đe dọa của người khác như lời khai của M E. Việc T1 nói M E không trả tiền sẽ giao công an chỉ là câu nói thông thường không mang tính uy hiếp. Do đó không có đủ căn cứ để cấu thành tội phạm, nên đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm xem xét.

Luật sư bào chữa cho Trần Phước T2: T2 không có hành vi cưỡng đoạt vì không có hành động nào để uy hiếp M E để buộc M E giao tài sản. Việc M E giao xe mô tô cho T2 chỉ là giao dịch mua bán tài sản có điều kiện. M E giao tài sản là sự tự nguyện trả lại tài sản cho bị hại. Do các bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tài sản thì không cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các bị cáo Trần Thanh T1, Trần Phước T2, Võ Minh T3, Nguyễn Phú Th, Trần Lê Tuấn K1, Nguyễn Trọng N nộp đơn kháng cáo ngày 09/10/2017; bị cáo Lê Y K2 nộp đơn kháng cáo ngày 05/10/2017; người bị hại Trần Thị Mái E nộp đơn kháng cáo ngày 09/10/2017 và Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang có Quyết định kháng nghị ngày 11/10/2017. Xét thấy, các bị cáo, người bị hại nộp đơn kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới có quyết định kháng nghị trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 09/12/2017, bị cáo Cao Văn B đã có đơn xin rút lại T1 bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị cáo. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Cao Văn B.

[2] Về nội dung vụ án:

Mặc dù tại phiên tòa các bị cáo Trần Lê Tuấn K2, Nguyễn Trọng N và Nguyễn Phú Th khai bị cơ quan điều tra mớm cung và hướng dẫn khai. Tuy nhiên xét thấy: Các bị cáo đã nhiều lần viết bản tự khai nộp cho cơ quan điều tra; các bị cáo cũng nhiều lần được cơ quan điều tra lập biên bản ghi lời khai, các biên bản và bản tự khai này đều được các bị cáo ghi xác nhận vào với nội dung lời trình bày là tự nguyện, không bị ép buộc. Đồng thời, nội dung của các bản tự khai và biên bản ghi lời khai phù hợp nhau về vai trò, hành vi của các bị cáo đã thực hiện và hành vi của các bị cáo khác, đồng thời còn phù hợp với lời khai của Võ Minh T3 trong giai đoạn điều tra đã được T3 xác nhận tại phiên tòa là đúng sự thật, còn phù hợp với lời khai của Lê Y K2, Võ Văn T4, Cao Văn B, cùng lời khai người bị hại, phù hợp với các biên bản đối chất mà cơ quan điều tra đã lập. Do đó việc các bị cáo khai bị mớm cung và ép cung là không có căn cứ, đồng thời chấp nhận lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra là phù hợp với diễn biến thực tế khách quan đã được xác định trong bản án sơ thẩm. Việc bị cáo Trần Thanh T1 không thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng căn cứ vào lời khai của các bị cáo K2, T3, N, T3, Trần Phước T2, B, Võ Văn T4, Th và Lê Y K2, lời khai của bị hại M E, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án để bác bỏ lời khai nại của bị cáo T1. Như vậy có đầy đủ căn cứ xác định: Vì muốn lấy lại tài sản đã bị Trần Thị Mái E đã chiếm đoạt. Vào lúc 11 giờ ngày 21/9/2016, Cao Văn B đã nhờ Trần Thanh T1 cùng với Trần Phước T2, Trần Lê Tuấn K2, Võ Minh T3, Nguyễn Tấn Th, Nguyễn Trọng N và Võ Văn T4 bắt và đưa Trần Thị M E ở khu vực ấp PH 2, xã KT, huyện CM về quán K 79 của Trần Thanh T1 thuộc ấp MH, thị trấn ML, huyện CM. Tại quán K 79, các bị cáo Cao Văn B, Trần Thanh T1, Trần Phước T2, Trần Lê Tuấn K2, Võ Minh T3, Nguyễn Tấn Th, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Phú Th và Lê Y K2 đã có hành vi uy hiếp về mặt tinh thần để chiếm đoạt nhiều loại tài sản của Trần Thị Mái E với tổng giá trị là 188.740.000 đồng.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự thì hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Bắt người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản”. Do vậy, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về những tội danh này theo khoản 1 Điều 123 và

điểm d khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và người bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quyền tự do về thân thể và quyền tài sản của công dân được mọi người tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm đến quyền nhân thân và quyền tài sản của người khác một cách trái pháp luật sẽ bị xử lý kịp thời và nghiêm minh bằng pháp luật.

Các bị cáo đều là những người đã trưởng thành, hoàn toàn nhận thức được hành vi của bản thân. Lẽ ra, khi biết M E là người cướp tài sản của bị cáo B thì các bị cáo phải trình báo chính quyền địa phương để giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật, để đảm bảo được quyền lợi của các bên. Thế nhưng chỉ vì xem thường pháp luật, các bị cáo lại thực hiện nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác là bắt người trái pháp luật, uy hiếp về mặt tinh thần của người bị hại để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền nhân thân và quyền tài sản của người bị hại, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận quần chúng và ảnh hưởng xấu đến đời sống bình thường của xã hội. Do đó, đối với các bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm mới có đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo Trần Phước T2 và các bị cáo Cao Văn B, Võ Minh T3, Nguyễn Tấn Th, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Phú Th bị truy tố về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự (mức cao nhất của khung hình phạt là 10 năm tù) đây là tội phạm rất nghiêm trọng nhưng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự là chưa đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, đối với các bị cáo trong nhóm tội này có 01 tình tiết giảm nhẹ (p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự) và có 01 tình tiết tăng nặng (điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự), hành xử theo lối côn đồ, thể hiện thái độ xem thường pháp luật nhưng cấp sơ thẩm áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là chưa thật tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Điều này cho thấy mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là quá “chiều cõ”, không phải nặng như các bị cáo trình bày. Mặt khác, các bị cáo và người bị hại kháng cáo nhưng không nêu được tình tiết giảm nhẹ nào mới so với những gì mà cấp sơ thẩm đã xét xử nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Đối với việc Võ Minh T3 yêu cầu tính thời gian chấp hành hình phạt tù từ ngày bị cáo chấp hành Quyết định xử lý hành chính của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới là không có căn cứ. Bởi lẽ Quyết định xử lý hành chính của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới áp dụng đối với Võ Minh T3 để xử lý T3 về hành vi nghiện ma túy, không liên quan đến tội phạm trên nên bác yêu cầu này của bị cáo.

Riêng Lê Y K2, trong quá trình được tại ngoại chờ xét xử, bị cáo đã về tiếp tục công tác tại Bệnh viện Đa Khoa huyện Chợ Mới, hiện tại cuộc sống đã ổn định. Bệnh viện cũng đã xác nhận bị cáo có thời gian công tác lâu dài, phục vụ nhân dân tốt. Chính quyền địa phương cũng xác nhận về hoàn cảnh gia đình bị

cáo K1 hiện đang gặp khó khăn và nhân thân bị cáo tốt. Nên cần chiếu cố cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt có điều kiện là phải chịu thời gian thử thách dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương như đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng phù hợp pháp luật và vẫn đảm bảo được mục đích giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Cao Văn B là người chủ mưu trong vụ án, bị cáo Trần Thanh T1 và các bị cáo khác là người thực hành. Bởi lẽ, bị cáo B là người đặt vấn đề nhờ T1 tìm giúp M E để lấy lại tài sản và sẽ hậu tạ. Khi phát hiện được M E, bị cáo B là người yêu cầu T1 cho người phụ giúp để thực hiện tội phạm. Về phía T1 và T2 cũng chỉ vì nhận thức pháp luật kém, muốn bênh vực người quen một cách thái quá, đồng thời muốn thể hiện bản lĩnh một cách “tiêu cực” nên đã cố ý phạm tội. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã phân hóa đúng vai trò phạm tội của từng bị cáo, đồng thời đây là một vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó T2 tham gia là người giúp sức với vai trò thứ yếu. Cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T1 và T2 nên mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật” và 04 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” đối với T1 và 01 năm tù về tội “Bắt người trái pháp luật” và 02 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” đối với T2 là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và phù hợp với quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đề nghị tăng hình phạt về tội “Cưỡng đoạt tài sản” đối với Trần Thanh T1 và Trần Phước T2 là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về phần án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Thanh T1, Trần Phước T2, Võ Minh T3, Nguyễn Phú Th, Trần Lê Tuấn K1, Nguyễn Trọng N mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Cao Văn B và Lê Y K2, người bị hại Trần Thị Mái E không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248; khoản 1, 3 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh T1, Trần Phước T2, Võ Minh T3, Nguyễn Phú Th, Trần Lê Tuấn K1, Nguyễn Trọng N.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Y K2.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Thanh T1 của người bị hại Trần Thị Mái E.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang về việc tăng hình phạt đối với các bị cáo Trần Thanh T1, Trần Phước T2.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Trần Thanh T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là: 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2016.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Trần Phước T2 01 (một) năm tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; 02 (hai) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là: 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2016.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Trần Lê Tuấn K2 04 (bốn) tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là: 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Võ Minh T3 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; 03 (ba) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Trọng N 06 (sáu) tháng tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội là: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2017.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Phú Th 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 31/3/2017.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 và Điều 60 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Lê Y K2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án (28/12/2017).

Giao Lê Y K2 cho Ủy ban nhân dân xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Áp dụng điểm a, đ, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Thanh T1, Trần Phước T2, Võ Minh T3, Nguyễn Phú Th, Trần Lê Tuấn K1, Nguyễn Trọng N mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Cao Văn B, Lê Y K2 và người bị hại Trần Thị Mái E không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích án treo đối với Lê Y K2)

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- VKS-ND tỉnh An Giang;
- VKS-ND huyện Chợ Mới;
- TAND huyện Chợ Mới;
- Công an huyện Chợ Mới;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THA.DS huyện Chợ Mới;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án hình sự;
- Tòa Hình sự;
- PV 27;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Linh